TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 01-6-2018
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đỗ Duy Hừng**
2. Ông **Nguyễn Văn Bình**
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Âu Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*** *không tham gia phiên toà.*
Ngày 01 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về "tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Kiều KimT** sinh năm: 1986
Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang
2. Bị đơn: Anh **Võ Văn Q** sinh năm: 1985
Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

(Chị T có mặt, anh Q xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Võ Thị Kiều Kim T trình bày: Chị và anh Võ Văn Q tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q có quan hệ tình cảm với người khác, không lo cho vợ con, chị và anh Q sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2018 đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Q nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: chị và anh Q có 01 con chung tên Võ Hoàng Kim N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2007 hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn bản tự khai không ghi ngày tháng năm, biên bản hòa giải ngày 15 tháng 5 năm 2018 bị đơn là anh Võ Văn Q trình bày: Anh thống nhất với chị Võ Thị Kiều Kim T về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn và con chung. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm và anh có quan hệ tình cảm với người khác. Anh và chị T không có sống ly thân với nhau. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý để chị T nuôi con chung, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, anh Q xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Võ Thị Kiều Kim T và anh Võ Văn Q tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2005 đến ngày 08 tháng 3 năm 2007 được Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống chị T và anh Q đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là do anh Q có quan hệ tình cảm với người khác nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Q còn anh Q thì không đồng ý ly hôn. Anh Q thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn và xin vắng mặt cho thấy anh thiếu thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị T ly hôn với anh Q là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung tên Võ Hoàng Kim N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2007 hiện đang sống với chị T. Chị T và anh Q thỏa thuận để cháu N cho chị T nuôi dưỡng, anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N mong muốn được sống với chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Kiều Kim T và anh Võ Văn Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao 01 con chung tên Võ Hoàng Kim N, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2007 cho chị Võ Thị Kiều Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Anh Võ Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu anh Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh Q.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Q chậm thi hành đối với việc cấp dưỡng nuôi con như trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí:

4.1 Chị Võ Thị Kiều Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08445 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2 Anh Võ Văn Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh Q thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tống đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;

- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã C,
huyện D, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ